

Số: /KH-SNV

Lào Cai, ngày tháng 9 năm 2021

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số và thực hiện Đề án số 08-ĐA/TU ngày
11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai năm 2022

Căn cứ Đề án số 08-ĐA/TU ngày 11/12/2020 về phát triển Công nghệ thông tin và truyền thông tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 1634/QĐĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 257/KH-UBND ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh về chuyển đổi số và triển khai thực hiện Đề án số 08-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai năm 2021;

Căn cứ hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông tại văn bản số 751/STTTT-KHTC ngày 28/7/2021 về việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2022 về chuyển đổi số và thực hiện Đề án số 08-ĐA/TU ngày 11/12/2020;

Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2022, với các nội dung cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2021

1. Những kết quả đạt được

a) Về mục tiêu: Thực hiện đảm bảo 95% Hồ sơ công việc đã được xử lý trên môi trường mạng (trừ văn bản mật); 90% các văn bản trao đổi với các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng; trên 90% báo cáo định kỳ đã được gửi, nhận qua hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (không tính văn bản mật theo quy định của pháp luật); 100% Thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; dịch vụ công trực tuyến dần được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ; đa số tổ chức, cá nhân hài lòng về việc giải quyết TTHC. Các phòng, ban, đơn vị được triển khai giải pháp nâng cao an toàn thông tin. Hoạt động kiểm tra của Sở, phòng, ban, đơn vị một số nội dung được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý. Hệ thống thông tin có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã từng bước đưa vào vận hành, khai thác có kết nối, liên thông. Hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của Sở được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.

b) Về nhiệm vụ:

- Nghiên cứu rà soát, từng bước loại bỏ một số thành phần hồ sơ, thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số; Triển khai thực hiện chính sách đổi mới đối với công chức, viên chức làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin trong quá trình chuyển đổi số; Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số và thực hiện Đề án số 08-ĐA/TU ngày 11/12/2020 năm giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 (thay thế Kế hoạch ứng dụng CNTT hằng năm). Đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT cho các phòng, ban, đơn vị đủ điều kiện, tiêu chuẩn để phục vụ chính quyền số. Số hóa hồ sơ vĩnh viễn của các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn lưu trữ lịch sử tỉnh.

Cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tổ chức tích hợp, chia sẻ cho các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước; tiếp tục ứng dụng CNTT trong các quy trình hoạt động, rút ngắn quy trình xử lý, hạn chế tối đa sử dụng văn bản giấy, giảm số lượng và đơn giản hóa nội dung, hồ sơ, giảm thời gian và chi phí thực hiện TTHC; ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành điện tử, hạn chế việc sử dụng văn bản giấy. Dần đổi mới phương thức làm việc truyền thống sang môi trường trực tuyến sử dụng nền tảng số.

Triển khai dịch vụ công, tăng cường phát triển dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, khai thác sử dụng tài liệu Lưu trữ lịch sử tỉnh.

c) Về kinh phí: Hiện tại mới Sở Nội vụ có 03 nhiệm vụ, hoạt động đã được cấp kinh phí, gồm:

- Số hóa hồ sơ vĩnh viễn của các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn Lưu trữ lịch sử tỉnh: 1000.000.000 VNĐ. *(Một tỷ đồng)*

- Bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ văn thư lưu trữ điện tử cho cán bộ làm công tác văn thư lưu trữ trên địa bàn toàn tỉnh: 90.000.000 VNĐ. *(Chín mươi triệu đồng)*

- Tập huấn cho cán bộ, công chức cấp xã, phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện thực hiện chấm điểm Chỉ số CCHC hàng năm trên phần mềm của đơn vị: 180.000.000 VNĐ. *(Một trăm tám mươi triệu đồng chẵn)*

Các nội dung còn lại trong phụ lục Danh mục hoạt động, dự toán kinh phí thực hiện chuyển đổi số và Đề án 08-ĐA/TU năm 2022 kèm theo kế hoạch của Sở Nội vụ chưa được cấp kinh phí,

2. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, việc cân đối nguồn kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các nội dung, hoạt động chuyển đổi số gặp nhiều khó khăn. Sở Nội vụ có nhiều nội dung, hoạt động để thực hiện kế hoạch chuyển đổi số của Sở chưa được cấp kinh phí.

3. Các đề xuất, kiến nghị

Đề nghị sớm cấp kinh phí cho các nội dung, hoạt động để thực hiện kế hoạch chuyển đổi số.

II. KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2022

1. Mục tiêu

- Kết nối mạng diện rộng, mạng truyền số liệu chuyên dùng đến 100% các phòng, ban, đơn vị. Hạ tầng dịch vụ của 100% hệ thống thông tin dùng chung của Sở chuyển đổi sang địa chỉ IPv6. 100% các phòng, ban, đơn vị được đầu tư đảm bảo về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai ứng dụng CNTT. 100% cán bộ, công chức được tập huấn chuẩn hóa kỹ năng về ứng dụng CNTT.

- 95% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- 90% văn bản trao đổi với các cơ quan nhà nước (CQNN) được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật); Tối thiểu 80% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Trên 90% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, kết nối với hệ thống báo cáo quốc gia. 40% công tác báo cáo với trung ương được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- 100% thủ tục hành chính (TTHC) đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; Trên 80% TTHC đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; tích hợp các DVCTT mức độ 3, mức độ 4 đạt 50% trở lên; 100% giao dịch giữa hệ thống thông tin một cửa dịch vụ công của tỉnh với Cổng dịch vụ quốc gia được xác thực điện tử.

- 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ; 30% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

- Tối thiểu 90% tổ chức, cá nhân hài lòng về việc giải quyết TTHC; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo DVCTT mức độ 3, mức độ 4 trên tổng số hồ sơ đạt 50% trở lên giai đoạn 2022-2025.

- Triển khai các hoạt động thanh toán điện tử; giao dịch điện tử; Cung cấp dịch vụ công trực tuyến 24/7; thực hiện hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (thuộc lĩnh vực ngành nội vụ) và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số.

- 80% phòng, ban, đơn vị được triển khai giải pháp nâng cao an toàn thông tin. Tổ chức các hội thảo, hội nghị trực tuyến, trực tiếp với sự tham gia của các

chuyên gia về Chuyển đổi số. Cử các cán bộ tham dự các khóa đào tạo về chuyển đổi số do tỉnh, Sở Thông tin và truyền thông và các ngành liên quan tổ chức...

- Tối thiểu 30% nội dung chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch công chức (chuyên viên), thăng hạng viên chức được thực hiện trực tuyến; 70% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản. 5% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

- 10% hoạt động kiểm tra của Sở, phòng, ban, đơn vị được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 10% hệ thống thông tin có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác có kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

- 30% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ (các hoạt động cơ bản) của Sở được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất. Nghiên cứu giải pháp Chuyển đổi số gắn với CCHC, xây dựng Chính quyền số của tỉnh.

2. Nhiệm vụ

a. Hoàn thiện môi trường pháp lý

- Rà soát, ban hành quy định, quy chế quản lý vận hành, sử dụng các nền tảng, dữ liệu và các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh (thuộc lĩnh vực nội vụ).

- Nghiên cứu rà soát, loại bỏ một số thành phần hồ sơ, thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số.

- Triển khai thực hiện chính sách đãi ngộ đối với công chức, viên chức làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin trong quá trình chuyển đổi số.

- Xây dựng kế hoạch hằng năm thực hiện Chương trình chuyển đổi số và thực hiện Đề án số 08-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai (thay thế Kế hoạch ứng dụng CNTT hằng năm).

b. Hoàn thiện, nâng cao chất lượng hạ tầng số

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT cho các phòng, ban, đơn vị đủ điều kiện, tiêu chuẩn để phục vụ chính quyền số.

- Triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi Ipv6 trong nội bộ Sở. Trang bị máy scand cho các đơn vị.

- Cấu trúc lại Cổng thông tin điện tử Sở Nội vụ theo hướng bổ sung thêm các chuyên mục về công tác chuyển đổi số của Sở Nội vụ.

c. Xây dựng, phát triển nền tảng số

- Tiếp tục chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ để ứng dụng CNTT toàn diện trong các quy trình hoạt động, rút ngắn quy trình xử lý, hạn chế tối đa sử dụng văn bản giấy, giảm số lượng và đơn giản hóa nội dung, hồ sơ, giảm thời gian và chi phí thực hiện TTHC.

- Ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành điện tử, hạn chế việc sử dụng văn bản giấy, ứng dụng phát triển giao dịch điện tử xác thực điện tử, văn phòng điện tử... Đổi mới phương thức làm việc truyền thống sang môi trường trực tuyến sử dụng nền tảng số.

- Xây dựng Phần mềm cơ sở dữ liệu về tổ chức bộ máy, biên chế và đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm các cơ quan, đơn vị và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

- Đẩy mạnh số hóa cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức; số hóa tài liệu lưu trữ.

d. Phát triển dữ liệu

- Cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tổ chức tích hợp, chia sẻ cho các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước.

- Số hóa hồ sơ vĩnh viễn của các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn lưu trữ lịch sử tỉnh. Xây dựng cơ sở dữ liệu đặc tả tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh phục vụ độc giả sử dụng tài liệu trực tuyến. Tích hợp cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ điện tử các ngành vào Lưu trữ lịch sử tỉnh và hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu tài liệu Lưu trữ quốc gia.

- Số hóa tài liệu kho lưu trữ của Sở, những tài liệu có thời gian bảo quản từ 20 năm trở lên.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Lào Cai. Số hóa hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của Sở.

e. Phát triển các ứng dụng dịch vụ

*) Phát triển các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- Rà soát tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ giải quyết TTHC trên môi trường điện tử. Tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử Sở Nội vụ thông qua tính năng tương tác của mạng xã hội. Tạo điều kiện để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật.

- Triển khai các nội dung khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trước hết xem xét đề nghị đơn vị bưu chính giảm (hoặc hỗ trợ) chi phí cho người dân khi thực hiện TTHC trực tuyến.

- Triển khai dịch vụ công, tăng cường phát triển dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

*) Phát triển các ứng dụng dịch vụ CNTT phục vụ hoạt động nội bộ:

- Nâng cấp, mở rộng phần mềm đánh giá chấm điểm chỉ số CCHC đối với các đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, khai thác sử dụng tài liệu Lưu trữ lịch sử tỉnh.

- Ứng dụng công nghệ thông tin các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong các hoạt động thi tuyển, thi nâng ngạch, thăng hạng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức.

- Nâng cấp phần mềm quản lý dữ liệu thi đua, khen thưởng.

- Sử dụng công nghệ nhận diện văn bản đến, quét lên phần mềm quản lý hồ sơ công việc.

f. Bảo đảm an toàn thông tin mạng

- Triển khai đánh giá và xây dựng phương án bảo vệ các hệ thống thông tin theo cấp độ trên tất cả các hệ thống thông tin của Sở.

- Xây dựng mạng lưới đảm bảo an toàn thông tin mạng trên cơ sở nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ chuyên trách an toàn thông tin kết hợp với nhân sự phụ trách CNTT của các doanh nghiệp, tổ chức.

- Xây dựng các chương trình hợp tác và phối hợp triển khai các kế hoạch phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin mạng cho tỉnh.

- Tổ chức hội nghị nâng cao kiến thức, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin cho Sở Nội vụ.

g. Phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo, đào tạo lại, chuẩn hóa kỹ năng CNTT, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Phát triển, đào tạo đội ngũ chuyên trách, phụ trách CNTT quản lý vận hành các hệ thống thông tin của tỉnh.

- Triển khai thực hiện chính sách đãi ngộ đối với công chức, viên chức làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin trong quá trình chuyển đổi số, nhằm phát huy nguồn lực về CNTT tại tỉnh và thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao về CNTT đến công tác, làm việc tại tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo 20 chuyên gia của tỉnh về an toàn thông tin mạng, chuyển đổi số.

- Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, tổ chức các hội thảo, đào tạo về chuyển đổi số và định hướng xây dựng chính phủ số. Các cơ quan, tổ chức tăng cường thực hiện hợp tác với các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ lớn của Việt Nam và trên thế giới để nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ mới, mô hình mới.

h. Nhiệm vụ phát triển Chính quyền số

Hoàn thiện hệ thống thông tin chuyên ngành trên nền tảng số hóa và vận hành bởi quy trình số. Tạo lập dữ liệu thông kê phục vụ quản lý số liệu chuyên ngành, tổng hợp số liệu chỉ tiêu kinh tế xã hội. Triển khai trung tâm điều hành thông minh (OC) tại Sở. Nhiệm vụ thực hiện theo mục tiêu đã nêu tại mục 1, phần II: Mục tiêu cụ thể năm 2022.

(Các nhiệm vụ cụ thể tại phụ lục kèm theo)

III. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp.
2. Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn lực công nghệ thông tin.
3. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành của tỉnh Lào Cai trong công tác chuyển đổi số; thực hiện chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng CNTT gắn với công tác CCHC.
4. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc cán bộ, công chức, các phòng, ban, đơn vị thực các chỉ tiêu, mục tiêu đề ra; khắc phục kịp thời những vướng mắc trong quá trình thực hiện, những tiêu chí đạt thấp, những chỉ tiêu, kế hoạch chưa đạt yêu cầu tiến độ.
5. Thúc đẩy hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm giữa các sở ngành, và Sở Nội vụ các tỉnh, thành trong cả nước.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí để thực hiện nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số năm 2022 được thống kê theo phụ lục I đính kèm; năm 2023 và 2024 được thống kê tại phụ biểu kế hoạch số 40/KH-SNV ngày 17/8/2021 về việc chuyển đổi số của Sở Nội vụ tỉnh năm 2021-2025 và năm 2021.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở:

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc triển khai việc chuyển đổi số tại kế hoạch này. phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu nhiệm vụ Số hóa tài liệu kho lưu trữ của Sở, những tài liệu có thời gian bảo quản từ 20 năm trở lên.
- Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) về tình hình, kết quả triển khai kế hoạch.
- Xây dựng dự toán để sửa chữa, bổ sung, nâng cấp, hệ thống trang thiết bị, phương tiện đảm bảo phục vụ công tác chuyển đổi số.

2. Các phòng, ban, đơn vị: Phối hợp với Văn phòng Sở triển khai thực hiện nội dung trong kế hoạch này. Định kỳ hàng tháng báo cáo tình hình, kết quả triển khai các nội dung được giao theo kế hoạch.

3. Phòng CCVC (công chức làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin)

- Phối hợp chặt chẽ trong việc tham mưu cho Lãnh đạo Sở triển khai, ứng dụng chuyển đổi số trong thực hiện các nhiệm vụ của Sở Nội vụ.
- Tham mưu kịp thời cập nhật, sửa đổi, đề xuất nâng cấp, sửa chữa hệ thống máy móc, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ chuyển đổi số. Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được giao theo Kế hoạch này.
- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu các nhiệm vụ Xây dựng cơ sở dữ liệu, hồ sơ về cán bộ, công chức, viên chức trong

các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Lào Cai; ứng dụng công nghệ thông tin các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong các hoạt động thi tuyển, thi nâng ngạch, thăng hạng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức.

4. Phòng Cải cách hành chính - QLVTLT

- Tham mưu việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho CBCCVC theo kế hoạch.

- Chủ chỉ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu thực hiện các nhiệm vụ: Xác thực giá trị pháp lý cho tài liệu lưu trữ điện tử; xây dựng phần mềm đánh giá CCHC và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

5. Trung tâm lưu trữ lịch sử: Chủ chỉ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ: Xây dựng cơ sở dữ liệu đặc tả tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh phục vụ độc giả sử dụng tài liệu trực tuyến; tích hợp cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ điện tử các ngành vào Lưu trữ lịch sử tỉnh và hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu Lưu trữ quốc gia.

6. Ban Thi đua khen thưởng: Chủ chỉ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu thực hiện Nâng cấp phần mềm quản lý dữ liệu thi đua, khen thưởng.

7. Ban biên tập Cổng thông tin điện tử: Thường xuyên cập nhật thông tin, đôn đốc các phòng, ban, đơn vị cung cấp tin bài, các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh, ngành về chuyển đổi số lên Cổng thông tin điện tử.

Trên đây là kế hoạch chuyển đổi số năm 2022 của Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai./.

Nơi nhận

- Các sở: TT và Truyền thông;
- Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị của Sở;
- Lưu: VT, HSĐT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Minh